

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1037/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lâm A, sinh năm 1988; đăng ký thường trú: Số 531, tổ 9, ấp Ô, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương;

- Bị đơn: Ông Nguyễn S, sinh năm 1992; đăng ký thường trú: Khóm Đ, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang; đăng ký tạm trú: Ấp Ô, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lâm A và ông Nguyễn S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cho bà Lâm A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Nguyễn T, sinh ngày 28/5/2016.

Ông Nguyễn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn T mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 10/12/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của bà Lâm A cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng ông Nguyễn S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn S có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Lâm A và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn S trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

+ Bà Lâm A tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0048495, ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương, còn lại hoàn trả cho bà A 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Ông Nguyễn S phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VT.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Xuân